

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b> <b>Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	9
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	10 – 31

### Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Trịnh Hữu Sơn

Ông Nguyễn Quý

Ông Nguyễn Đức Thuận

Ông Trần Quang Sơn

Ông Nguyễn Anh Luyện

### Ban Kiểm soát

Ông Trần Thanh Tông

Ông Nguyễn Chí Hiếu

Ông Nguyễn Trí Hiếu

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Sơn

Ông Nguyễn Quý

### Bảng giá trị bình bình doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2012 và 6 tháng tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và báo cáo tài chính đã được kiểm tra và chấp thuận bởi Ban Kiểm soát.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

**2. Ban điều hành**

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên (từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)

**Ban kiểm soát**

Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**TRINH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

1448C  
NG T  
HIỆM H  
DO  
'NA  
HỒ





Tel.: +84 8 22200237  
Fax: +84 8 22200265  
www.bdo.vn

Ho Chi Minh City Head Office  
Indochina Park Tower, 2/F  
4 Nguyen Dinh Chieu Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
Vietnam

Số: 00149.HCM/32.12

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

về Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của  
Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 09 tháng 8 năm 2012 từ trang 4 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**VŨ THỊ THỌ**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV  
CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

**BÙI TUYẾT VÂN**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>180.175.655.735</b>	<b>197.166.435.929</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.125.822.746</b>	<b>12.900.105.816</b>
Tiền	111		6.125.822.746	3.900.105.816
Các khoản tương đương tiền	112		-	9.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>36.861.976.734</b>	<b>35.952.196.085</b>
Phải thu khách hàng	131	5.2	35.588.020.953	36.038.013.280
Trả trước cho người bán	132	5.3	1.887.703.679	800.795.669
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	312.720.097	39.855.131
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5.2	(926.467.995)	(926.467.995)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>127.124.189.766</b>	<b>146.313.212.794</b>
Hàng tồn kho	141		127.124.189.766	146.313.212.794
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.063.666.489</b>	<b>2.000.921.234</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.017.790.763	618.292.974
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.17	321.026.743	1.009.746.480
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.17	1.030.930.983	48.682.500
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	7.693.918.000	324.199.280

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>105.932.169.319</b>	<b>107.886.951.124</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.963.614.863</b>	<b>106.139.717.181</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	99.059.086.064	106.139.717.181
Nguyên giá	222		236.095.110.738	235.722.938.238
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.036.024.674)	(129.583.221.057)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	2.843.528.799	-
Nguyên giá	225		2.916.439.794	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(72.910.995)	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	61.000.000	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>946.657.200</b>	<b>853.324.800</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.025.342.800)	(1.118.675.200)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.021.897.256</b>	<b>893.909.143</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	2.668.954.256	550.966.143
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.13	352.943.000	342.943.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>286.107.825.054</b>	<b>305.053.387.053</b>

KẾ TOÁN QUẢN LÝ  
 QUẢN LÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

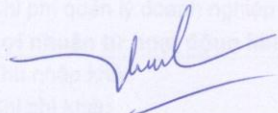
	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.327.776.738</b>	<b>135.079.548.503</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.969.524.834</b>	<b>112.219.241.861</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	58.273.968.417	60.623.349.533
Phải trả cho người bán	312	5.15	15.102.106.881	23.495.155.756
Người mua trả tiền trước	313	5.16	350.826.099	80.931.388
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.17	11.239.612.305	7.875.222.803
Phải trả công nhân viên	315	5.18	7.318.317.393	10.134.630.305
Chi phí phải trả	316	5.19	65.266.720	986.857.003
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.20	14.467.642.263	8.411.017.253
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.21	4.151.784.756	612.077.820
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.358.251.904</b>	<b>22.860.306.642</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.22	16.155.146.418	22.699.559.486
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	5.23	203.105.486	160.747.156
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.780.048.316</b>	<b>169.973.838.550</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.24	<b>158.780.048.316</b>	<b>169.973.838.550</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		103.395.200.000	103.395.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.080.701.449	24.080.701.449
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.733.605.949	7.854.482.030
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.659.948.434	4.935.545.979
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.227.716.484	30.025.033.092
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>286.107.825.054</b>	<b>305.053.387.053</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại	5.1	-	-
USD		301,68	202,99
EUR		0,34	0,34
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

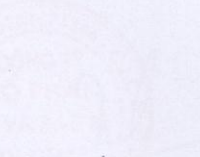
  
 \_\_\_\_\_  
**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
 Kế toán trưởng



  
 \_\_\_\_\_  
**TRỊNH HỮU MINH**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

  
 \_\_\_\_\_  
 Võ Ngọc Huỳnh Thư  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
 Trịnh Hữu Minh  
 Tổng Giám đốc

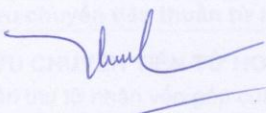
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

4896  
 CÔNG TY  
 ỆM HỮU  
 ĐO  
 'NA  
 HỒ C



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>173.989.804.946</b>	<b>158.001.684.423</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.833.155.180	8.619.170
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>172.156.649.766</b>	<b>157.993.065.253</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>144.549.809.751</b>	<b>123.886.126.000</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>27.606.840.015</b>	<b>34.106.939.253</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	970.000.403	472.831.652
Chi phí tài chính	22	6.4	3.556.772.006	5.936.262.713
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.530.953.343	1.695.199.082
Chi phí bán hàng	24	6.5	3.954.919.710	3.568.316.957
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.767.484.483	5.685.010.931
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.297.664.219</b>	<b>19.390.180.304</b>
Thu nhập khác	31	6.7	5.957.760	128.484.403
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>5.957.760</b>	<b>128.484.403</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.303.621.979</b>	<b>19.518.664.707</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	4.075.905.495	4.879.666.177
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.227.716.484</b>	<b>14.638.998.530</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.185	1.636

  
**VÕ NGỌC HUỖNH THU**  
 Kế toán trưởng

  
**TRỊNH HỮU MINH**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

5-CT/NT  
 HẠN  
 M  
 HẠN



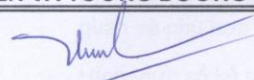
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	16.303.621.979	19.518.664.707
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.525.714.612	6.637.958.976
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(93.332.400)	319.996.800
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(202.510.157)	1.298.840.223
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(299.913.355)	(275.777.670)
Chi phí lãi vay	06	3.530.953.343	1.695.199.082
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>26.764.534.022</b>	<b>29.194.882.118</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	772.402.145	(8.598.285.385)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	19.189.023.028	(23.924.054.269)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(4.513.142.758)	(2.471.484.266)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.517.485.902)	(208.650.049)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.530.953.343)	(1.695.199.082)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.011.832.137)	(4.340.844.775)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.350.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.469.409.763)	(21.775.002.810)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.703.485.292</b>	<b>(33.818.638.518)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.302.287.229)	(1.654.990.542)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	24.200.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	299.913.355	251.577.670
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.002.373.874)</b>	<b>(1.379.212.872)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	16.518.780.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	86.819.480.434	73.394.857.678
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.909.982.254)	(52.819.839.917)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(805.475.121)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.579.367.400)	(9.148.959.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(29.475.344.341)</b>	<b>27.944.838.561</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>12.900.105.816</b>	<b>9.320.993.642</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(50.147)	416.309
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>6.125.822.746</b>	<b>2.068.397.122</b>

  
VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012



Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- In, tráng verni trên sắt lá, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Các hoạt động dịch vụ khác: mua bán các loại máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực in, tráng verni trên sắt lá; sản xuất các loại bao bì bằng kim loại và sản xuất các loại sắt lá;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt lá, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 353 người, trong đó số nhân viên quản lý là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 343 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng VND, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (tỷ giá ngày 30 tháng 6 năm 2012 áp dụng là 20.870 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

##### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

##### 4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm nhà xưởng, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phụ tùng và chi phí nâng cấp nhà kho và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 đến 36 tháng tương ứng.



#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
Máy móc thiết bị	02 - 22 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản khác	20 năm

#### 4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá tài sản thuê tài chính được ghi nhận bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Chính sách khấu hao tài sản thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị được khấu hao trong 10 năm.

#### 4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### 4.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### 4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

#### 4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ những giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 4.12 Quý lương

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 22 tháng 4 năm 2012, mức chi quỹ lương toàn Công ty trong năm 2012 là 10% doanh thu năm 2012.

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính bằng 25% lợi nhuận thu được.

### 4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, công ty sau đây được xem là bên có liên quan:

#### Công ty

Tổng Công ty Rau quả Nông sản Công ty TNHH một thành viên

#### Quan hệ

Nhà đầu tư



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt – VND	287.119.656	42.184.578
Tiền gửi ngân hàng – VND	5.832.401.493	3.853.645.537
Tiền gửi ngân hàng – USD	6.296.063	4.270.098
Tiền gửi ngân hàng – SGD	5.534	5.603
Tiền gửi kì hạn không quá 3 tháng – VND	-	9.000.000.000
	<b>6.125.822.746</b>	<b>12.900.105.816</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	301,68	6.296.063
Tiền gửi ngân hàng – SGD	0,34	5.534
		<b>6.301.597</b>

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số dư tiền gửi tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 4.009.986.754 VND và số dư tiền gửi này được thế chấp để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

**5.2 Các khoản phải thu thương mại**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu thương mại – bên thứ ba	35.588.020.953	36.038.013.280
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(926.467.995)	(926.467.995)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>34.661.552.958</b>	<b>35.111.545.285</b>

Chi tiết khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

	Số dư dự phòng 01/01/2012	Trích lập dự phòng trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	Số dư dự phòng 30/06/2012
	VND	VND	VND	VND
Công ty CBTP XK Kiên Giang	223.874.352	-	-	223.874.352
Xí nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	371.723.100	-	-	371.723.100
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	330.870.543	-	-	330.870.543
	<b>926.467.995</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>926.467.995</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước cho người bán bên thứ ba – mua hàng hóa	249.394.070	800.795.669
Trả trước cho người bán bên thứ ba – mua sắm tài sản	1.638.309.609	-
	<u>1.887.703.679</u>	<u>800.795.669</u>

**5.4 Phải thu khác**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	82.663.496	39.855.131
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuê tài chính	230.056.601	-
	<u>312.720.097</u>	<u>39.855.131</u>

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng đang đi đường	4.929.955.227	12.796.237.927
Nguyên vật liệu tồn kho	102.066.233.174	117.641.149.246
Công cụ dụng cụ trong kho	144.530.466	144.527.803
Thành phẩm	12.608.512.142	9.021.622.800
Hàng hóa	7.374.958.757	6.709.675.018
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>127.124.189.766</b>	<b>146.313.212.794</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>127.124.189.766</b>	<b>146.313.212.794</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ	681.601.023	362.819.564
Phí bảo hiểm cháy nổ	173.510.485	173.510.485
Chi phí nâng nền hành lang phân xưởng	76.076.743	-
Chi phí khác	86.602.512	81.962.925
	<u>1.017.790.763</u>	<u>618.292.974</u>

**5.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	264.960.000	193.000.000
Ký quỹ mua gas	36.958.000	36.958.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	7.392.000.000	94.241.280
	<u>7.693.918.000</u>	<u>324.199.280</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2012	9.455.016.205	221.527.010.518	3.918.093.106	555.386.666	267.431.743	235.722.938.238
Mua trong kỳ	-	-	372.172.500	-	-	372.172.500
Số dư tại ngày 30/06/2012	<b>9.455.016.205</b>	<b>221.527.010.518</b>	<b>4.290.265.606</b>	<b>555.386.666</b>	<b>267.431.743</b>	<b>236.095.110.738</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2012	8.636.423.523	117.589.163.664	2.640.379.326	449.822.801	267.431.743	129.583.221.057
Khấu hao trong kỳ	52.719.946	7.182.361.284	201.692.157	16.030.230	-	7.452.803.617
Số dư tại ngày 30/06/2012	<b>8.689.143.469</b>	<b>124.771.524.948</b>	<b>2.842.071.483</b>	<b>465.853.031</b>	<b>267.431.743</b>	<b>137.036.024.674</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2012	818.592.682	103.937.846.854	1.277.713.780	105.563.865	-	106.139.717.181
Tại ngày 30/06/2012	<b>765.872.736</b>	<b>96.755.485.570</b>	<b>1.448.194.123</b>	<b>89.533.635</b>	-	<b>99.059.086.064</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</b>						
	8.524.840.750	83.639.376.947	1.716.873.435	434.459.392	267.431.743	94.582.982.267
<b>Giá trị còn lại của TS thế chấp cho các khoản vay</b>						
	-	39.469.187.724	-	-	-	39.469.187.724

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2012	-	-
Tăng trong kỳ	2.916.439.794	2.916.439.794
Số dư tại ngày 30/06/2012	<b>2.916.439.794</b>	<b>2.916.439.794</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2012	-	-
Khấu hao trong kỳ	72.910.995	72.910.995
Số dư tại ngày 30/06/2012	<b>72.910.995</b>	<b>72.910.995</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2012	-	-
Tại ngày 30/06/2012	<b>2.843.528.799</b>	<b>2.843.528.799</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phí nhập khẩu máy dập lon 2 mảnh	61.000.000	-
	<b>61.000.000</b>	-

3300  
 CÔNG  
 ÁCH NH  
 B  
 /IẾT  
 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.11 Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Cảng Rau quả (chiếm 0,79% vốn điều lệ của Công ty này)	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	(1.025.342.800)	(1.118.675.200)
	<b>946.657.200</b>	<b>853.324.800</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, số lượng cổ phiếu của Công ty CP Cảng Rau Quả mà Công ty nắm giữ là 66.666 cổ phần.

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà kho, phân xưởng	429.551.209	323.387.348
Chi phí công cụ dụng cụ	2.239.403.047	227.578.795
	<b>2.668.954.256</b>	<b>550.966.143</b>

**5.13 Tài sản dài hạn khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ thuê tài chính	342.943.000	342.943.000
Ký quỹ sử dụng thẻ taxi	10.000.000	-
	<b>352.943.000</b>	<b>342.943.000</b>

Khoản ký quỹ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000 giữa Công ty và Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư ký quỹ thuê tài chính tương đương 10% giá mua (dự kiến) của tài sản thuê.

**5.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
• Ngân hàng BIDV	(a) 17.363.434.475	20.485.621.525
• Ngân hàng HSBC	(b) 14.484.730.790	20.081.598.381
• Ngân hàng ANZ	(c) 4.261.002.121	6.727.694.784
• Cán bộ công nhân viên Công ty	(d) 8.006.277.165	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(e) 14.158.523.866	13.328.434.843
	<b>58.273.968.417</b>	<b>60.623.349.533</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

(a) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 17.363.434.475 VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2012/0000905 ngày 10 tháng 5 năm 2012, với hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay hiện hành 12,0% - 15,5%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố các tài sản hình thành từ các khoản vay trung và dài hạn và toàn bộ số dư các khoản phải thu và số dư tiền gửi tại Ngân hàng này.

(b) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) bao gồm 317.328,34 USD tương đương 6.622.642.456 VND và 7.862.088.334 VND theo thư cung cấp tiện ích số VNM07 120302 ngày 09 tháng 4 năm 2012 với hạn mức là 2.000.000,00 USD hoặc tương đương bằng VND để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay hiện hành là 5,5% - 5,7%/năm (vay bằng USD) và 11,7% - 16,5%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho trị giá 2.000.000,00 USD và tất cả các khoản phải thu của Công ty trị giá 1.600.000,00 USD.

(c) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm 152.343,76 USD tương đương 3.179.414.271 VND và 1.081.587.850 VND theo thư tiện ích ngân hàng ngày 23 tháng 4 năm 2012 với hạn mức 1.000.000,00 USD để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất hiện hành 5,1%/năm (vay bằng USD) và 13,1% - 17,6%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị ít nhất 1.000.000,00 USD.

(d) Đây là khoản vay ngắn hạn từ cán bộ công nhân viên của Công ty với lãi suất vay là 14,0%/năm. Lãi vay ngắn hạn sẽ được nhập vào vốn gốc vay.

(e) Xem thuyết minh 5.22.

**5.15 Phải trả người bán**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán bên thứ ba – trong nước	4.335.798.574	4.044.538.524
Phải trả người bán bên thứ ba – nước ngoài	10.766.308.307	19.450.617.232
	<u>15.102.106.881</u>	<u>23.495.155.756</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư gốc ngoại tệ của khoản phải trả người bán là 507.979,50 USD tương đương 10.766.308.307 VND.

**5.16 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	350.826.099	80.931.388
	<u>350.826.099</u>	<u>80.931.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.17 Thuế**

*Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ*

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	<u>321.026.743</u>	<u>1.009.746.480</u>

*Thuế và các khoản phải thu Nhà nước*

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền thuế đất	1.030.930.983	48.682.500
	<u>1.030.930.983</u>	<u>48.682.500</u>

*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	996.419.556	-
Thuế nhập khẩu	323.765.102	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.889.084.364	7.825.011.006
Thuế thu nhập cá nhân	30.343.283	50.211.797
	<u>11.239.612.305</u>	<u>7.875.222.803</u>

**5.18 Phải trả công nhân viên**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Lương phải trả	1.172.388.393	1.734.630.305
Trích trước quỹ lương	6.145.929.000	8.400.000.000
	<u>7.318.317.393</u>	<u>10.134.630.305</u>

**5.19 Chi phí phải trả**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	65.266.720	913.357.003
Chi phí khác	-	73.500.000
	<u>65.266.720</u>	<u>986.857.003</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.20 Phải trả khác**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	208.009.884	27.284.349
Nhận ký quỹ mua hàng	13.756.924.525	7.666.155.650
Cổ tức phải trả	369.501.847	184.371.247
Mượn tiền quỹ công đoàn	110.000.000	510.000.000
Các khoản phải trả khác	23.206.007	23.206.007
	<b>14.467.642.263</b>	<b>8.411.017.253</b>

**5.21 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	6 tháng năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	612.077.820	120.093.780
Trích lập trong kỳ	5.591.117.118	2.650.578.466
Chi trong kỳ	(2.051.410.182)	(2.158.594.426)
Số dư cuối kỳ	<b>4.151.784.756</b>	<b>612.077.820</b>

Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty bao gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty và quỹ khuyến mãi khách hàng.

**5.22 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn (a)	27.911.507.739	36.027.994.329
Nợ dài hạn (b)	2.402.162.545	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(14.158.523.866)	(13.328.434.843)
	<b>16.155.146.418</b>	<b>22.699.559.486</b>

(a) Đây là số dư các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.337.398,55 USD tương đương 27.911.507.739 VND có thời hạn vay theo các hợp đồng từ 60 tháng đến 72 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty với lãi suất từ 3,03%/năm đến 8,0%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 39.469.187.724 VND.

(b) Đây là khoản thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000, giá mua là 3.207.637.666 VND với thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất thuê là 17,0%/năm, trong đó lãi suất cơ bản là 14,0%/năm và lãi suất chỉ định là 3,0%/năm, lãi suất cơ bản có thể được điều chỉnh trong thời gian thuê. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 1% giá mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

Chi tiết số dư vay và nợ dài hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2012:

Ngân hàng	Nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012		Nợ dài hạn đến hạn trả		Số dư vay và nợ dài hạn vào ngày 30/06/2012	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.337.398,55	27.911.507.739	(653.579,00)	(13.640.193.730)	683.819,55	14.271.314.009
		2.402.162.545		(518.330.136)		1.883.832.409
		<u>30.313.670.284</u>		<u>(14.158.523.866)</u>		<u>16.155.146.418</u>

**5.23 Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	6 tháng năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	160.747.156	100.703.001
Trích lập trong kỳ	132.106.953	229.909.413
Chi trong kỳ	(89.748.623)	(169.865.258)
Số dư cuối kỳ	<u>203.105.486</u>	<u>160.747.156</u>

04489  
 ÔNG T  
 NHIỆM HỮ  
 BDO  
 T NA  
 P. HỒ



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5.24 Vốn chủ sở hữu và các quỹ**

**5.24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	81.976.420.000	24.080.701.449	(317.124.000)	6.043.948.921	4.011.999.475	14.537.375.679	130.333.321.524
Phát hành cổ phiếu trong năm	21.418.780.000	-	-	-	-	-	21.418.780.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	34.488.049.092	34.488.049.092
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.810.533.109	923.546.504	(2.734.079.613)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.650.578.466)	(2.650.578.466)
Chia cổ tức năm 2010 đợt 2	-	-	-	-	-	(9.152.717.600)	(9.152.717.600)
Chia cổ tức năm 2011 đợt 1	-	-	-	-	-	(4.463.016.000)	(4.463.016.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>103.395.200.000</b>	<b>24.080.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>7.854.482.030</b>	<b>4.935.545.979</b>	<b>30.025.033.092</b>	<b>169.973.838.550</b>
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	7.854.482.030	4.935.545.979	30.025.033.092	169.973.838.550
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	12.227.716.484	12.227.716.484
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	4.879.123.919	1.724.402.455	(6.603.526.374)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.570.767.118)	(5.570.767.118)
Chia cổ tức năm 2011 đợt 2	-	-	-	-	-	(17.850.739.600)	(17.850.739.600)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2012</b>	<b>103.395.200.000</b>	<b>24.080.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>12.733.605.949</b>	<b>6.659.948.434</b>	<b>12.227.716.484</b>	<b>158.780.048.316</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)**

**5.24.2 Vốn đầu tư chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301671386 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 103.395.200.000 VND.

**5.24.3 Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 22 tháng 4 năm 2012, lợi nhuận sau thuế năm 2011 được phân phối như sau:

	VND
• Quỹ đầu tư phát triển	4.879.123.919
• Quỹ dự phòng tài chính	1.724.402.455
• Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.448.804.909
• Quỹ khuyến mãi khách hàng	689.760.982
• Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	862.201.227
• Thưởng Ban Giám đốc và bộ máy điều hành	570.000.000
• Chia cổ tức năm 2011, trong đó năm 2011 đã tạm chi đợt 1 là 4.463.016.000 VND	17.850.739.600
	<b><u>30.025.033.092</u></b>

**5.24.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	6 tháng năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	103.395.200.000	81.976.420.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	21.418.780.000
+ Vốn góp cuối kỳ	103.395.200.000	103.395.200.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(187.220.000)	(187.220.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	103.207.980.000	103.207.980.000
Đã chi trả cổ tức bằng tiền	17.579.367.400	13.611.975.200

**5.24.5 Cổ phiếu phổ thông**

	6 tháng năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.651.318	10.651.318
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.339.520	10.339.520
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(18.722)	(18.722)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.320.798	10.320.798
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu trong nước		
• Doanh thu thành phẩm	113.855.846.389	100.700.407.392
• Doanh thu gia công	43.172.083.255	40.444.693.396
• Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.210.432.625	2.507.538.250
• Doanh thu khác	14.115.032.012	13.085.633.800
Doanh thu xuất khẩu	1.636.410.665	1.263.411.585
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>173.989.804.946</b>	<b>158.001.684.423</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(1.833.155.180)	(8.619.170)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>172.156.649.766</b>	<b>157.993.065.253</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn – thành phẩm, hàng hóa	97.085.513.292	81.268.769.430
Giá vốn – gia công	33.902.190.238	30.122.359.364
Giá vốn khác	13.562.106.221	12.494.997.206
	<b>144.549.809.751</b>	<b>123.886.126.000</b>

Chi tiết giá vốn theo yếu tố:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	112.208.915.015	95.727.587.241
Chi phí hàng hóa mua vào	3.571.596.742	3.466.682.362
Chi phí nhân công	13.008.244.955	12.518.813.963
Chi phí vật liệu	821.287.140	547.404.870
Chi phí dụng cụ sản xuất	5.214.719.571	3.242.205.014
Chi phí khấu hao	7.309.530.102	6.421.080.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.242.968	162.889.113
Chi phí bằng tiền khác	2.192.273.258	1.799.462.831
	<b>144.549.809.751</b>	<b>123.886.126.000</b>

0300  
CỘNG HÒA  
TRÁCH NHIỆM  
BIÊN  
VIỆT  
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	233.247.355	143.244.670
Cổ tức nhận được	66.666.000	108.333.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	437.646.009	221.253.982
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	232.441.039	-
	<b>970.000.403</b>	<b>472.831.652</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí lãi vay	3.530.953.343	1.695.199.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.220.181	2.622.226.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.930.882	1.298.840.223
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(93.332.400)	319.996.800
	<b>3.556.772.006</b>	<b>5.936.262.713</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.363.754	107.363.754
Vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	2.206.312.420	1.748.882.417
Chi phí nhiên liệu	354.245.471	463.593.195
Chi phí hoa hồng	644.179.955	865.473.632
Chi phí vận chuyển	534.576.764	228.386.801
Chi phí khác	108.241.346	154.617.158
	<b>3.954.919.710</b>	<b>3.568.316.957</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.848.062.446	3.332.604.170
Chi phí vật dụng văn phòng	84.694.944	95.526.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.446.676	41.140.536
Tiền thuê đất	604.832.817	612.450.000
Chi phí dự phòng	132.106.953	111.285.608
Chi phí khác	1.057.340.647	1.492.003.803
	<b>4.767.484.483</b>	<b>5.685.010.931</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**6.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	24.200.000
Thu bồi thường sắt	-	93.848.114
Thu nhập khác	5.957.760	10.436.289
	<b>5.957.760</b>	<b>128.484.403</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.303.621.979	19.518.664.707
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>16.303.621.979</b>	<b>19.518.664.707</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.075.905.495</b>	<b>4.879.666.177</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.227.716.484	14.638.998.530
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.227.716.484	14.638.998.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.320.798 CP	8.945.537 CP
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.185 VND/CP</b>	<b>1.636 VND/CP</b>

**7. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất bao bì bằng kim loại và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

### **8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

#### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

#### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.



**Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

<b>30/06/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	58.273.968.417	16.155.146.418	74.429.114.835
Phải trả người bán	15.102.106.881	-	15.102.106.881
Chi phí phải trả và phải nộp khác	14.532.908.983	-	14.532.908.983
<b>Cộng</b>	<b>87.908.984.281</b>	<b>16.155.146.418</b>	<b>104.064.130.699</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	60.623.349.533	22.699.559.486	83.322.909.019
Phải trả người bán	23.495.155.756	-	23.495.155.756
Chi phí phải trả và phải nộp khác	9.397.874.256	-	9.397.874.256
<b>Cộng</b>	<b>93.516.379.545</b>	<b>22.699.559.486</b>	<b>116.215.939.031</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.





CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.822.746	-	6.125.822.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.974.273.055	-	34.974.273.055
<b>Cộng</b>	<b>41.100.095.801</b>	<b>-</b>	<b>41.100.095.801</b>

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.900.105.816	-	12.900.105.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.151.400.416	-	35.151.400.416
<b>Cộng</b>	<b>48.051.506.232</b>	<b>-</b>	<b>48.051.506.232</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu, hàng tồn kho và máy móc làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng (Thuyết minh số 5.14 và 5.22).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/06/2012 và ngày 31/12/2011.

**9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.822.746	12.900.105.816	6.125.822.746	12.900.105.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.974.273.055	35.151.400.416	34.974.273.055	35.151.400.416
<b>Cộng</b>	<b>41.100.095.801</b>	<b>48.051.506.232</b>	<b>41.100.095.801</b>	<b>48.051.506.232</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	58.273.968.417	60.623.349.533	58.273.968.417	60.623.349.533
Phải trả người bán	15.102.106.881	23.495.155.756	15.102.106.881	23.495.155.756
Chi phí phải trả và phải trả khác	14.532.908.983	9.397.874.256	14.532.908.983	9.397.874.256
<b>Cộng</b>	<b>87.908.984.281</b>	<b>93.516.379.545</b>	<b>87.908.984.281</b>	<b>93.516.379.545</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**10.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương trả cho Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	595.200.000	359.000.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	742.917.230	345.813.884
	<b>1.338.117.230</b>	<b>704.813.884</b>

**10.2. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Trong kỳ tài chính này có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng Công ty Rau quả Nông sản Công ty TNHH một thành viên	Chia cổ tức	9.074.093.600

**10.3. Các cam kết**

**Cam kết mua máy móc thiết bị**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị các hợp đồng đã ký kết cho việc mua sắm máy móc thiết bị trước ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

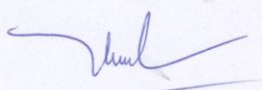
Nhà cung cấp	Số	Hợp đồng Ngày	Giá trị hợp đồng Nguyên tệ	Giá trị	Số tiền đã thanh toán	Số tiền còn phải thanh toán
Shin-I Machinery Works Co., Ltd	MC-SHIN 12/02	29/02/2012	USD	19.500,00	1.950,00	17.550,00
Shin-I Machinery Works Co., Ltd.	MC-SHIN 12/03	27/04/2012	USD	20.600,00	2.060,00	18.540,00
Thai Shin-I Industry Co., Ltd	MC-T-SHIN 12/01	23/05/2012	USD	112.000,00	11.200,00	100.800,00
Shin-I Machinery Works Co., Ltd	MC-SHIN 12/01	06/01/2012	USD	978.100,00	-	978.100,00
Melchers Techexport GmbH	S040/2012	19/03/2012	USD	632.907,00	63.290,70	569.616,30
Melchers Techexport GmbH	S159/2012	05/07/2012	USD	235.594,00	-	235.594,00
				<b>1.998.701,00</b>	<b>78.500,70</b>	<b>1.920.200,30</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Cam kết mua nguyên vật liệu**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp với các hợp đồng như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng Ngày	Giá trị hợp đồng	
				Nguyên tệ	Giá trị
W.R Grace Singapore Pte Ltd	Hóa chất	18/MPC-GRACE/12	20/06/2012	USD	34.560,00
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	Sắt	BS-TC4B540	02/05/2012	USD	172.800,00
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	Sắt	BS-VN 60632	23/05/2012	USD	128.360,00
Sumitomo Corporation	Sắt	FZ12S-00484P	24/05/2012	USD	53.100,00
Sumitomo Corporation	Sắt	FZ12S-00413P	10/05/2012	USD	50.250,00
Sumitomo Corporation	Sắt	FZ12S-00342P	17/04/2012	USD	50.150,00
SK Networks Company Limited	Sắt	SK MC100512	16/05/2012	USD	186.300,00
SK Networks Company Limited	Sắt	SK MC270412	27/04/2012	USD	116.000,00
Viking Industrial Corporation	Sắt	2S/0121	22/05/2012	USD	85.050,00
Kyodo Co Inc Importers & Exporters	Sắt	25-5/MPC-KYODO/12	25/05/2012	USD	40.614,00
					<b>917.184,00</b>

  
**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
 Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012